

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Tân
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 667/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần N (V)

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Quang D-Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trụ sở: Số A T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội

1.1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1.1. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Du M - Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần N - Chi nhánh A đại diện theo giấy ủy quyền số 184/UQ-VCB-PC ngày 06/4/2023.

1.1.2. Ông Dương Du M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tấn T - Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần N-Chi nhánh A đại diện theo Giấy ủy quyền số 111/UQ-AGI-HCNS ngày 16/10/2023 (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 26 đường Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Lầu Văn T1, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số A Bis L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số D đường T, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của ông Nguyễn Tấn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N:*

1. Ngày 13/6/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh A (viết tắt VCB) và ông Lầu Văn T1 có ký Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG, theo đó ngân hàng có cho ông L Văn T1 vay với số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), theo giấy nhận nợ số 01 ký ngày 17/6/2014 của Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 với nội dung:

+ Số tiền vốn vay: 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*)

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng

+ Thời hạn cho vay: 36 tháng

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 10.5%/năm (Điều chỉnh 03 tháng/01 lần), lãi suất quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 11/7/2014, khách hàng trả nợ 3.400.000 đồng; ngày 14/8/2014 trả nợ 3.400.000 đồng; ngày 15/10/2014 trả nợ 6.800.000 đồng; ngày 18/11/2014 trả nợ 3.400.000 đồng; ngày 02/02/2015 trả nợ 6.800.000 đồng; ngày 15/8/2016 trả nợ 17.365 đồng; ngày 09/7/2018 trả nợ 4.000.000 đồng; ngày 14/8/2018 trả nợ 4.000.000 đồng và ngày 17/10/2018 trả nợ 4.700.000 đồng. Dư nợ còn lại của giấy nhận nợ số 01 là 83.482.635 đồng.

2. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 30/5/2014, theo đề nghị của ông Lầu Văn T1, với hạn mức tín dụng: 40.000.000 đồng; Loại thẻ V1; hạng chuẩn, loại hình thẻ cá nhân, hiệu lực thẻ đến tháng 05/2017, hình thức bảo đảm thẻ: tín chấp.

+ Để đảm bảo khoản nợ vay theo Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ông Lầu Văn T1 không có tài sản bảo đảm.

* Ông Lầu Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 và thanh toán thẻ tín dụng, ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho VCB, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với VCB, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của VCB gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của VCB.

+ Dư nợ Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 31/7/2015, tính đến ngày 31/7/2018, tổng số tiền ông T1 còn nợ ngân hàng là 179.506.640 đồng, trong đó: nợ gốc 83.482.635 đồng, nợ lãi trong hạn 67.991.530 đồng, nợ lãi quá hạn 28.032.475 đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard tính đến ngày 31/7/2021 là 48.635.502 đồng, trong đó: nợ gốc 11.358.097 đồng, nợ lãi 7.131.137 đồng, phí phạt 30.147.268 đồng.

Tại phiên tòa, ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu:

1. Buộc ông Lầu Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền là 228.143.142 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó:

+ Dư nợ Hợp đồng số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 với tiền nợ tính đến ngày 31/10/2021 với số tiền là 179.506.640 đồng, trong đó: nợ gốc 83.482.635 đồng, nợ lãi trong hạn 67.991.530 đồng, nợ lãi quá hạn 28.032.475 đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard tính đến ngày 31/7/2018 là 48.635.502 đồng, trong đó: nợ gốc 11.358.097 đồng, nợ lãi 7.131.137 đồng, phí phạt 30.147.268 đồng.

2. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi và phí phạt số tiền tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 và thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard, tổng số tiền 640.002.661 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông L Văn Thơ trả hết nợ cho VCB.

** Bị đơn ông Lầu Văn T1 vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày*

* Tại phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Tấn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi và phí phạt số tiền tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 và thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard tổng cộng số tiền là 640.002.661 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông L Văn Thơ trả hết nợ cho VCB.

+ Bị đơn ông Lầu Văn T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N: Buộc ông Lầu Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ 228.143.142 đồng.

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông L Văn Thơ trả số tiền lãi và phí phạt 640.002.661 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông L Văn Thơ trả hết nợ cho VCB do đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N do ông Phạm Quang D-Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Dương Du M - Giám đốc đại diện theo giấy ủy quyền số 184/UQ-VCB-PC ngày 06/4/2023. Ông Dương Du M ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn T -Trưởng phòng Khách hàng đại diện theo ủy quyền số 111/UQ-AGI-HCNS ngày 16/10/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự nên thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[1.2] Bị đơn ông Lầu Văn T1 mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông T1 vẫn không tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi và phí phạt tại Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 và thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard tổng cộng số tiền là 640.002.661 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông L Văn Thơ trả hết nợ cho VCB. Đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

[2] Về thẩm quyền:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Lầu Văn T1. Đây là tranh chấp phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng vay theo hình thức vay tiêu dùng tín chấp cán bộ, công nhân viên, ông T1 không có giấy phép đăng ký kinh doanh việc cho vay không phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2.2] Ông Lầu Văn T1 có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngày 13/6/2014, ông Lầu Văn T1 có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, Hợp đồng cho vay cán bộ, nhân viên số 106/2014/NHNTAG vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 10.5%/năm (Điều chỉnh 03 tháng/01 lần), lãi suất quá hạn: 150%/lãi suất cho vay trong hạn, mục sử dụng vốn vay tiêu dùng hợp pháp phục vụ đời sống cá nhân và gia đình, phương thức trả lãi hàng tháng, phương thức trả gốc: trả nợ gốc vào ngày đến hạn ghi trên giấy nhận nợ (ngày 17/6/2017) hoặc thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên, hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản bảo đảm.

[3.2] Đến ngày 30/5/2014, ông Lầu Văn T1 tiếp tục ký hợp Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Loại thẻ V1; hạng chuẩn, loại hình thẻ cá nhân. Hiệu lực thẻ đến tháng 05/2017, hình thức bảo đảm thẻ: tín chấp, hạn mức tín dụng số tiền 40.000.000 đồng.

[3.3] Quá trình giải quyết, bị đơn ông Lầu Văn T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem là ông T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.4] Xét thấy, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, tại phiên tòa ông Triệu đại d theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ thanh toán nợ vay và tiền lãi phát sinh trong thời gian 03 năm kể từ ngày ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu như trên là có căn cứ.

[3.5] Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, ông Lầu Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tính đến 31/7/2018, đối với Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 số tiền 179.506.640 đồng, trong đó: nợ gốc 83.482.635 đồng, nợ lãi trong hạn 67.991.530 đồng, nợ lãi quá hạn 28.032.475 đồng và dư nợ thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard số tiền 48.635.502 đồng, trong đó: nợ gốc 11.358.097 đồng, nợ lãi 7.131.137 đồng, phí phạt 30.147.268 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.2] Ông Lầu Văn T1 phải nộp án phí theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 232, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 155, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với ông Lầu Văn T1.

1.1. Buộc ông Lầu Văn T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền là 228.143.142 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó: Dư nợ Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 106/2014/NHNTAG ngày 13/6/2014 tính đến ngày 31/10/2021 là 179.506.640 đồng (nợ vay 83.482.635 đồng, nợ lãi trong hạn 67.991.530 đồng, nợ lãi quá hạn 28.032.475 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng Quốc tế V1 MasterCard

tính đến ngày 22/7/2018 là 48.635.502 đồng (nợ vay 11.358.097 đồng, nợ lãi 7.131.137 đồng, phí phạt 30.147.268 đồng).

1.2. Kể từ ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng đã ký. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lầu Văn T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần N được nhận lại số tiền 17.302.563 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm lẻ hai nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001028 ngày 08/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

2.2. Ông Lầu Văn T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.044.374 đồng (*Ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự (Đề thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Ngọc Thúy

